

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~2007~~/2019/CV-JVC

Hà Nội, ngày ~~20~~ tháng ~~07~~ năm 2019

(V/v: Công bố Báo cáo thường niên năm 2019)

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố Báo cáo Thường niên năm 2019 của Công ty.

Công ty đã công bố tài liệu sửa đổi bổ sung trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật theo đường dẫn:

http://www.ytevietnhat.com.vn/quan-he-co-dong_t370c37tn.aspx

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lê Thị Hà Thanh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

MỤC LỤC

1. Thông tin công ty	3
2. Thông tin cổ phiếu và cổ đông.....	4
3. Tóm tắt thông tin tài chính 3 năm	5
4. Thông điệp tổng kết năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6
5. Lịch sử hình thành và phát triển	7
6. Sản phẩm tiêu biểu	8
7. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý	9
Sơ đồ tổ chức.....	9
Bộ máy quản lý	10
7. Báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2018.....	13
Báo cáo của HĐQT	13
Báo cáo của Ban Giám đốc.....	19
Hoạt động của Ban Giám đốc và kết quả kinh doanh năm 2018.....	19
Phương hướng của Ban Giám đốc và kế hoạch kinh doanh năm 2019.....	23
Báo cáo của Ban Kiểm soát	24
8. Báo cáo quản trị rủi ro	27
9. Báo cáo phát triển bền vững	28
10. Định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển 2019	29
11. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2018.....	30



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Trụ sở chính: Tầng 24 tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Phòng khám: Tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 2+4 ngõ 1160 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

VP HCM: Tầng 5 Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

W: www.ytevietnhat.com.vn | T: (024) 3683 0516 | F: (024) 3683 0578

1. Thông tin công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Tên tiếng Anh: Japan Viet Nam Medical Instrument JSC
- Tên viết tắt: JVC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số và mã số thuế: 0101178800
- Vốn điều lệ: 1.125.001.710.000 đồng
- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Số điện thoại: 024.3683.0516
 - Số fax: 024.3683.0578
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:
 - Địa chỉ: Tầng 05 - Tòa nhà văn phòng - cao ốc Central Garden - 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại: 028.3920.7283 & 028.3920.7184
 - Số fax: 028.3920.5873
- Website: www.ytevietnhat.com.vn

2. Thông tin cổ phiếu và cổ đông

- Mã cổ phiếu: JVC
- Được niêm yết ngày 21/06/2011 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ('HOSE')
- Năm tài chính kết thúc ngày: 31/03
- Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Tổng khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết: 112.500.171 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phổ thông: 112.500.171 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu)
 - Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 112.500.171 cổ phiếu
- Vốn hóa tại ngày 31/03/2019: 325.125.494.190 VNĐ
- Giá cao nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/03/2019: 3.640 đồng
- Giá thấp nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/03/2019: 2.520 đồng
- Danh sách cổ đông của VSD ngày 26/06/2019:
 - Cổ đông lớn ($\geq 5\%$): 4 Cổ đông nước ngoài, 0 Cổ đông trong nước

STT	Mã cổ phiếu	Cá nhân/ tổ chức	Tỷ lệ cổ phiếu năm giữ
1	JVC	DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	19,35%
2	JVC	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	11,00%
3	JVC	DREAM INCUBATOR INC.	5,85%
4	JVC	VIETNAM EQUITY HOLDING	5,43%

- Cổ đông khác ($< 5\%$): 79 Cổ đông nước ngoài, 3536 Cổ đông trong nước
- Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Cổ đông:
 - Email: qhcd@ytevietnhat.com.vn
 - Website Quan hệ cổ đông: www.ytevietnhat.com.vn/quan-he-co-dong_t370c37tn.aspx

3. Tóm tắt thông tin tài chính 3 năm

Bảng 1. Chỉ tiêu tài chính cơ bản (Giai đoạn 2016-2018)

	2016	2017	2018
Tổng doanh thu	499.432.257.611	542.017.039.428	615.074.047.088
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	(37.409.757.047)	9.070.537.832	12.126.540.774
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	(39.457.111.201)	8.923.361.976	11.445.660.829
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(351)	79	102
Tổng tài sản	724.832.393.518	664.878.040.869	701.946.900.641
Tổng nợ phải trả	207.869.427.889	147.741.557.576	173.364.756.519
Vốn chủ sở hữu	516.962.965.629	517.136.483.293	528.582.144.122
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	71%	78%	75%
Tổng nợ/ Tổng tài sản	29%	22%	25%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	-5%	1% ¹	2%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	-8%	2%	2%

¹ Hệ số trong Báo cáo thường niên năm 2017 là 2%. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí khác" năm 2017 được điều chỉnh tăng số tiền là 1.592.648.587 đồng (bao gồm: khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp bổ sung với số tiền 550.208.743 đồng và khoản phạt do chậm nộp thuế với số tiền 1.042.439.844 đồng) so với số liệu đã công bố. Do đó, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" năm 2017 giảm 1.592.648.587 đồng.

4. Thông điệp tổng kết năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nhìn lại năm 2018:

Trong năm 2018, để hoàn thành nhiệm vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên đã nỗ lực hết mình, đạt được nhiều thành quả và sự đón nhận, tin tưởng của đối tác, khách hàng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 mà Công ty đã đạt được cụ thể như sau:

Kết quả tài chính:

- Doanh thu thuần 2018: 615.074.047.088 đồng, đạt 90% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ 2018, tăng trưởng 13% so với năm 2017;
- Lợi nhuận sau thuế 2018: 11.445.660.829 đồng, đạt 72% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ 2018, tăng trưởng 28% so với năm 2017;
- Tuy chưa đạt được 100% kế hoạch của ĐHĐCĐ, nhưng HĐQT đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 có sự tiến bộ toàn diện. HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng, vượt khó của Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên, đồng thời hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Kết quả phi tài chính:

- Về thương hiệu của các nhà cung cấp và của Công ty: đối tác, khách hàng đã đón nhận và tin tưởng Công ty với nhiều sự tiến bộ trong hoạt động kinh doanh và phục vụ khách hàng hiệu quả, chuyên nghiệp, tận tâm;
- Về quản trị doanh nghiệp: HĐQT, Ban Giám đốc đã và đang định hướng, xây dựng, điều chỉnh bộ máy quản trị doanh nghiệp hiệu quả, chuyên nghiệp.

Công ty ghi nhận và gửi lời cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý đối tác, Quý khách hàng, Quý cổ đông; sự nỗ lực, cố gắng của HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên trong năm 2018 vừa qua.

Định hướng năm 2019:

HĐQT đã sát cánh cùng Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2019 cũng như kế hoạch trung và dài hạn với định hướng:

- Trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;
- Đầu tư mạnh mẽ để tăng trưởng;
- Quản trị chặt chẽ để hoạt động hiệu quả;
- Mang giá trị đến cho đối tác, khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng;

Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự lãnh đạo của HĐQT, sự nỗ lực, sát sao của Ban Giám đốc, sự cố gắng của toàn thể nhân viên, Công ty sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra cho năm 2019.

5. Lịch sử hình thành và phát triển

- 27/09/2001: Thành lập Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật
- 19/01/2004: Thành lập VPĐD Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 04/05/2006: Thành lập Công ty TNHH Kyoto Medical Science (chủ sở hữu là Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật)
- 27/09/2010: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- 21/06/2011: Niêm yết toàn bộ 24.200.000 cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 2011: Công ty tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng
- 2012: Công ty tăng vốn từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng
- 2013: Công ty tăng vốn từ 354.199.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng
- 2014: Công ty phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành riêng để tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng
- 24/04/2017: Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công Ty cổ phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
- 2017: Chuyển trụ sở chính thức về Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- 2018: Thay đổi địa chỉ Công ty về Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

6. Sản phẩm tiêu biểu

Phân phối thiết bị y tế

Công ty đang là nhà phân phối độc quyền của nhiều thương hiệu thiết bị y tế nổi tiếng thế giới tại thị trường Việt Nam như Hitachi, Fujifilm, Konica, Sakura... cho các sản phẩm: hệ thống chụp cộng hưởng từ, hệ thống chụp cắt lớp vi tính, hệ thống chụp X-Quang, hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-Quang CR & DR, máy đo loãng xương, máy in phim khô laser y tế, máy nội soi, máy siêu âm, máy chống nhiễm khuẩn...

Phân phối vật tư tiêu hao

Công ty là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm phim khô y tế của Fujifilm và Konica tại Việt Nam, hiện đang cung cấp cho hầu hết các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ khách hàng trang bị thiết bị đọc và in phim khô y tế hiện đại, qua đó mang đến cho khách hàng chất lượng hàng hóa và dịch vụ tốt nhất. Chính vì lẽ đó, Công ty luôn là đối tác tin cậy trong lĩnh vực vật tư tiêu hao của các bệnh viện trên cả nước trong hơn 10 năm qua.

Đầu tư xã hội hóa

Công ty là một trong những đơn vị đầu tiên hưởng ứng chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế thông qua mô hình kinh doanh liên kết với các bệnh viện đầu tư các trang thiết bị y tế thế mạnh như: máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang... Mô hình hợp tác này giúp bệnh viện tiếp cận được máy móc công nghệ mới, giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu lớn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đem đến lợi ích cho bệnh nhân cũng như toàn xã hội.

Dịch vụ kỹ thuật

Dịch vụ kỹ thuật là một trong những thế mạnh nổi bật của Công ty. Với đội ngũ kỹ sư được đào tạo bài bản, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Công ty luôn chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu thay vì phải chờ đợi kỹ sư từ hãng. Điều này giúp thiết bị luôn hoạt động ổn định, đẩy nhanh tốc độ xử lý sự cố, giảm thiểu áp lực và chi phí phát sinh do can thiệp chậm trễ, đem lại sự tin tưởng cho khách hàng. Hiện Công ty cung cấp các dịch vụ như: tư vấn thiết kế, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp linh kiện, sửa chữa, bảo trì thiết bị...

Phòng khám đa khoa

Công ty tự hào sở hữu số lượng xe khám lưu động lớn nhất Việt Nam. Với 15 xe khám được thiết kế chuyên dụng, trang bị máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Nhật Bản và châu Âu như máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang, máy chụp X-Quang nhũ, máy siêu âm... Công ty có thể đáp ứng nhu cầu khám sức khỏe định kỳ lên tới 3.500 lượt/ ngày cho các doanh nghiệp trên 64 tỉnh thành. Ngoài ra, Công ty còn là đối tác uy tín của nhiều dự án y tế cộng đồng như Chương trình phòng chống lao quốc gia đồng hành cùng Bệnh viện Phổi TW từ năm 2012 đến nay, các chương trình tầm soát ung thư vú đồng hành cùng Bệnh viện K và Quỹ Ngày mai tươi sáng từ năm 2018.

7. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức²



² Công ty TNHH Kyoto Medical Science: trụ sở tại Hà Nội, lĩnh vực kinh doanh chính: Bán bán thiết bị, dụng cụ thiết bị y tế; vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng; tỷ lệ nắm giữ: 100%
 Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín: trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh; lĩnh vực kinh doanh chính: bán bán thiết bị, dụng cụ thiết bị y tế; tỷ lệ nắm giữ: 25%

Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị:

1. Ông Hosono Kyohei: Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 10/2018)

- Trình độ: Sau Đại học
- Chuyên môn: Chính sách công
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Dream Incubator Inc (Tokyo, Nhật Bản) và Dream Incubator Việt Nam
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Giám đốc điều hành Dream Incubator Inc (Tokyo, Nhật Bản)

2. Ông Nguyễn Thế Hường: Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 09/2018, miễn nhiệm từ 10/2018); Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Quản lý tài chính
- Kinh nghiệm làm việc: 20 năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty CP Truyền thông GAPIT, Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Huy

3. Ông Nguyễn Mạnh Cường: Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán, Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm làm việc: 15 năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam, Công ty TNHH Servier Việt Nam, Công ty TNHH Innoviet.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Scivi

4. Bà Lê Thị Hà Thanh: Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016, từ nhiệm từ 12/2018)

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: 20 năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Thương mại Thanh danh; Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội; Công ty CP TBVT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

5. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo: Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Phó Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư Nam Long

Ban Giám đốc:

1. Bà Vũ Thị Thúy Hằng: Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 08/2018)

- Trình độ: Thạc sĩ
- Chuyên môn: Tài chính, Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm làm việc: 15 năm kinh nghiệm tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty CP Dream Incubator Việt Nam, Công ty CP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

2. Bà Vương Vân Anh: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 04/2018)

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kinh tế doanh nghiệp, Tài chính kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam, Công ty CP Dream Incubator Việt Nam, Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

3. Ông Bùi Khang: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 12/2018)

- Trình độ: Thạc sĩ, Bác sĩ
- Chuyên môn: Y tế công cộng
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Đại học y Hà Nội, Tổ chức Y tế Thế giới.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

Ban Kiểm soát:

4. Bà Lương Kim Thanh: Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm từ 10/2018)

- Trình độ: Sau Đại học
- Chuyên môn: Tài chính
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại các Công ty CP Dream Incubator Vietnam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

5. Bà Đặng Thị Hà Giang: Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm từ 09/2016)

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kinh tế
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại các Công ty CP Quảng cáo trực tuyến 24h, Công ty CP TBYT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

6. Ông Ngô Văn Hùng: Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm từ 09/2016)

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kế toán



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Trụ sở chính: Tầng 24 tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Phòng khám: Tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 2+4 ngõ 1160 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

VP HCM: Tầng 5 Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

W: www.ytevietnhat.com.vn | T: (024) 3683 0516 | F: (024) 3683 0578

- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Thành Quang, Công ty CP TBVT Việt Nhật.
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

Những thay đổi trong Ban điều hành

- Bà Phạm Huyền Khanh: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 05 tháng 4 năm 2017, miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)
- Bà Vương Vân Anh: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2018)
- Bà Vũ Thị Thúy Hằng: Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 31 tháng 08 năm 2018)
- Ông Bùi Khang: Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 12 năm 2018)

7. Báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2018

Báo cáo của HĐQT

Về kết quả thực hiện chiến lược đề ra cho năm 2018: HĐQT đã xem xét, phê duyệt, chỉ đạo triển khai hiệu quả các chiến lược kinh doanh như sau:

- Công ty đã xây dựng tốt hình ảnh, sự uy tín đối với đối tác, khách hàng, nhà cung cấp. Cụ thể, các đối tác, khách hàng đã đón nhận và tin tưởng Công ty với nhiều sự tiến bộ trong hoạt động kinh doanh và phục vụ khách hàng, hiệu quả, chuyên nghiệp, tận tâm;
- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm, hoạt động truyền thống như sản phẩm thiết bị chẩn đoán hình ảnh, vật tư tiêu hao, hoạt động liên doanh liên kết, dịch vụ kỹ thuật...
- Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư 21 tỷ mua sắm tài sản cố định phục vụ mở rộng hoạt động kinh doanh vật tư tiêu hao tại các tập đoàn y tế tư nhân, liên doanh liên kết mới tại 03 bệnh viện, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở vật chất phục vụ phòng khám đa khoa và cung cấp dịch vụ khám tầm soát ung thư mới;
- Đồng thời, Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu từ các sản phẩm mới và thị trường miền Nam. Cụ thể, trong năm 2018 Công ty đã ghi nhận 13 tỷ doanh thu sản phẩm kiểm soát nhiễm khuẩn và 5 tỷ doanh thu thiết bị y tế từ thị trường miền Nam;
- Công ty đã và đang tiến hành cập nhật công nghệ mới, sản phẩm mới, mô hình mới làm tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Về kết quả kinh doanh: HĐQT đã định hướng cho Ban Giám đốc, lãnh đạo tập thể nhân viên đạt kết quả kinh doanh khả quan:

- Doanh thu thuần 2018: 615.074.047.088 đồng, đạt 90% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2018, tăng trưởng 13% so với năm 2017 (Doanh thu thuần năm 2017: 542.017.039.428 đồng, đạt 86% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2017);
- Lợi nhuận sau thuế 2018: 11.445.660.829 đồng, đạt 72% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2018, tăng trưởng 28% so với năm 2017 (Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 8.923.361.976 đồng, đạt 55% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2017);

Về công tác giám sát và đánh giá của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT đã giám sát Ban Giám đốc thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn tại các cuộc họp, thông qua thư điện tử, điện thoại và tiếp xúc trực tiếp. Kết quả thực hiện được Ban Giám đốc cập nhật, báo cáo thường xuyên, kịp thời cho HĐQT.
- Hoạt động của Ban Giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty;
- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra. Trong bối cảnh hoạt động kinh

doanh năm 2018 gặp phải nhiều khó khăn khách quan và áp lực cạnh tranh lớn, nỗ lực của Ban Giám đốc được HĐQT ghi nhận và đánh giá rất cao;

- Hệ thống báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Hệ thống báo cáo quản trị được lập đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị;
- Ban Giám đốc đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý và công nợ tồn đọng: rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết. Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn khách quan, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nỗ lực của Ban Giám đốc được HĐQT ghi nhận và đánh giá rất cao;
- Ban Giám đốc đã xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, thực hiện tốt công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh;
- Các thành viên Ban Giám đốc đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

Phương hướng của Hội đồng quản trị năm 2019

HĐQT đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau: doanh thu thuần 700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 17 tỷ đồng.

HĐQT sẽ chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng tốt hình ảnh, uy tín đối với đối tác, khách hàng, nhà cung cấp;
- Hướng tới trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;
- Tiếp tục xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả; hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình; hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực;
- Tiếp tục hoàn thiện quy chế, quy định, chính sách đối với người lao động; tăng cường đào tạo nâng lực chuyên môn, kỹ năng; xây dựng văn hóa Công ty; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động;
- Xử lý dứt điểm các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

Hoạt động của HĐQT

Số buổi họp được tổ chức giai đoạn từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT	23/10/2018	7	100%	
2	Phạm Quang Huy	Không còn là Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm theo NQ HĐQT từ 10/9/2018	11	61%	Đã gửi đơn từ nhiệm
		Không còn là Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ từ 23/10/2018			
3	Nguyễn Thế Hường	Không còn là Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ từ 23/10/2018	24	96%	Đi công tác nước ngoài
		Thành viên HĐQT	30/09/2016			
4	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	30/09/2016	25	100%	
5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	30/09/2016	25	100%	
6	Lê Thị Hà Thanh	Không còn tư cách Thành viên HĐQT	Gửi đơn từ nhiệm từ 18/12/2018	23	100%	

Các Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT (giai đoạn từ 01/04/2018 đến 31/03/2019)

STT	Số	Ngày	Nội dung
1	0504/2018/NQ-HĐQT	05/04/2018	Thông qua miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Bà Phạm Huyền Khanh từ ngày 05/4/ 2018. Thông qua bổ nhiệm Bà Vương Vân Anh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 05/4/2018.
2	1904/2018/NQ-HĐQT	19/04/2018	Thông qua ủy quyền cho ông Ngô Thanh Sơn – Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật được mở tài khoản, đứng tên chủ tài khoản, thực hiện các giao dịch, ký tên và sử dụng con dấu trên các văn bản tài liệu liên quan tại các Ngân hàng TMCP và tổ chức tín dụng tại Việt Nam; trong phạm vi số tiền vay tối đa 50 tỉ đồng.
3	1007/2018/NQ-HĐQT	10/07/2018	Thông qua việc hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
4	1008/2018/NQ-HĐQT	10/08/2018	Phê duyệt kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
5	3008 ^A /2018/NQ-HĐQT	30/08/2018	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – đại diện theo pháp luật đối với ông Ngô Thanh Sơn từ ngày 31/8/2018.
6	3008 ^B /2018/NQ-HĐQT	30/08/2018	Bổ nhiệm bà Vũ Thị Thúy Hằng giữ chức vụ Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật từ ngày 31/8/2018.
7	1009/2018/NQ-HĐQT	10/09/2018	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Phạm Quang Huy từ ngày 10/09/2018. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thế Hường – thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/09/2018.
8	1409 ^A /2018/NQ-HĐQT	14/09/2018	Ủy quyền cho bà Vũ Thị Thúy Hằng – Tổng Giám đốc và Bà Vương Vân Anh – Phó Tổng Giám đốc được mở tài khoản, lập phương án kinh doanh để vay vốn và ký kết các hồ sơ chứng từ để vay vốn, được sử dụng hàng hóa, tài sản, nguồn thu của công ty để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh các khoản vay của công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty.
9	1409 ^B /2018/NQ-HĐQT	14/09/2018	Ủy quyền cho bà Vũ Thị Thúy Hằng – Tổng Giám đốc– người đại diện theo pháp luật được mở tài khoản, đứng tên chủ tài khoản, thực hiện các giao dịch, ký tên và sử dụng con dấu trên các văn bản tài liệu liên quan tại các Ngân hàng TMCP và tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

STT	Số	Ngày	Nội dung
			Bà Vũ Thị Thúy Hằng – Tổng Giám đốc được phép ủy quyền cho Bà Vương Vân Anh – Phó Tổng Giám đốc được thay mặt Bà Vũ Thị Thúy Hằng thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ nói trên.
10	1709/2018/NQ-HĐQT	17/09/2018	Thông qua chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
11	2609/2018/NQ-HĐQT	26/09/2018	Sửa đổi tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2018. Thông qua ứng cử viên cho vị trí thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
12	0210/2018/NQ-HĐQT	02/10/2018	Thông qua triệu tập lần 2 ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
13	1210/2018/NQ-HĐQT	12/10/2018	Sửa đổi tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 lần 2.
14	1910/2018/NQ-HĐQT	19/10/2018	Sửa đổi chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên lần 2 năm 2018 lần 2.
15	2310/2018/NQ-HĐQT	23/10/2018	Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT với ông Nguyễn Thế Hường từ ngày 23/10/2018. Bổ nhiệm ông Hosono Kyohei – thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 23/10/2018.
16	0111/2018/NQ-HĐQT	01/11/2018	Chấp thuận thông qua việc chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam làm đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
17	1811/2018/NQ-HĐQT	18/11/2018	Chấp thuận thông qua việc chọn Công ty Luật TNHH ATS làm đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý.
18	0612/2018/NQ-HĐQT	06/12/2018	Thông qua bổ nhiệm ông Bùi Khang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 06/12/2018.
19	1412/2018/NQ-HĐQT	14/12/2018	Thông qua việc Đầu tư mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
20	1203/2019/NQ-HĐQT	12/03/2019	Miễn nhiệm chức vụ Người đại diện phần vốn góp/Người đại diện theo ủy quyền, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật và thay đổi đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Kyoto Medical Science.
21	3103/2019/NQ-HĐQT	31/03/2019	Phê duyệt ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Kyoto Medical Science.

- Hoạt động của các tiểu ban HĐQT: Hiện nay HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: ông Nguyễn Thế Hường, ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo là 03 thành viên HĐQT độc lập tại Công ty. Các thành viên HĐQT độc lập này đều đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

Các vấn đề quản trị khác của Công ty
Thù lao của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao/ tháng (VNĐ)	Tổng thu nhập/ năm (VNĐ)	Ghi chú
1	Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	37.030.000	Bổ nhiệm từ 23/10/2018
2	Phạm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	36.866.667	Miễn nhiệm từ 10/9/2018
3	Nguyễn Thế Hường	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	4.970.000	Bổ nhiệm từ 10/9/2018, miễn nhiệm từ 23/10/2018
		Thành viên HĐQT	5.000.000	57.916.667	Ngoài thời gian được bổ nhiệm Chủ tịch
4	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000	
5	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	5.000.000	60.000.000	
6	Lê Thị Hà Thanh	Thành viên HĐQT	5.000.000	42.900.000	Từ nhiệm từ 19/12/2018
7	Lương Kim Thanh	Trưởng BKS	3.000.000	15.570.000	Bổ nhiệm từ 23/10/2018
8	Đào Mạnh Hùng	Trưởng BKS	3.000.000	15.000.000	Miễn nhiệm từ 23/10/2018
9	Đặng Thị Hà Giang	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000	
10	Ngô Văn Hùng	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000	

Thu nhập của Ban giám đốc: 3.023.056.194 VNĐ
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	Ông Phạm Quang Huy là Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam	4.458.380	3,96%	0	0%	Bán

Báo cáo của Ban Giám đốc

Hoạt động của Ban Giám đốc và kết quả kinh doanh năm 2018

Năm 2018, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của ĐHCĐ 2018 và chỉ đạo của HĐQT, đạt 90% chỉ tiêu doanh thu hợp nhất và đạt 72% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Ban Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

1. Tài chính

Tình hình tài chính năm 2018 (Bảng 2 và 3) tiến bộ đáng kể so với năm 2017, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như doanh thu thuần đạt 615 tỷ, tăng trưởng 13% so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế đạt 11,4 tỷ, tăng trưởng 28% so với năm 2017. (Chỉ tiêu tổng tài sản và tổng nợ tăng chủ yếu là do hàng hóa nhập về tại thời điểm cuối năm 2018 phục vụ các dự án triển khai năm 2019. Hiện tại thời điểm lập Báo cáo Ban Giám đốc, các dự án này đã triển khai và hoàn tất). Các chỉ số tài chính năm 2018 khả quan và an toàn (cụ thể tại Bảng 4).

Bảng 2. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
		2017	2018	
1	Doanh thu thuần	542.017.039.428	615.074.047.088	13%
2	Lợi nhuận trước thuế	9.070.537.832	12.126.540.774	
3	Lợi nhuận sau thuế	8.923.361.976	11.445.660.829	28%
4	Tổng tài sản	664.878.040.869	701.946.900.641	6%
5	Tổng nợ phải trả	147.741.557.576	173.364.756.519	17%
6	Vốn chủ sở hữu	517.136.483.293	528.582.144.122	2%

Bảng 3. Nguyên nhân tăng giảm lợi nhuận (Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng giảm	Ghi chú
Doanh thu thuần	542.017	615.074	13,48%	Biến động do tăng trưởng doanh thu kinh doanh thiết bị y tế
Giá vốn	432.196	506.977	17,30%	Biến động do (1) tăng giá vốn tương ứng với tăng trưởng doanh thu thiết bị y tế; (2) giảm giá vốn VTTH do nhà cung cấp tặng hàng có điều kiện
Doanh thu tài chính	790	4.861	515,31%	Biến động chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá tăng
Chi phí tài chính	3.979	3.354	-15,71%	Biến động chủ yếu do chi phí lãi vay giảm

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng giảm	Ghi chú
Thu nhập khác	31.942	13.520	-57,68%	Giảm mạnh do nhà cung cấp thay đổi chính sách từ hỗ trợ không điều kiện (ghi nhận thu nhập khác) sang tặng hàng có điều kiện (ghi nhận giảm giá vốn)
Chi phí khác	4.695	3.456	-26,38%	Giảm mạnh do không còn các khoản lỗ từ thanh lý tài sản cố định
Chi phí bán hàng	91.953	72.442	-21,22%	Giảm do điều chỉnh chính sách chi tiêu marketing
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.857	35.099	6,82%	
Lợi nhuận trước thuế	9.071	12.127	33,69%	

Bảng 4. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm	
		2017	2018
1	<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,1	2,2
	Hệ số thanh toán nhanh	1,5	1,4
2	<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,2	0,2
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,3	0,3
3	<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
	Vòng quay hàng tồn kho	61	66
	Vòng quay các khoản phải thu	78	68
	Vòng quay các khoản phải trả	76	63
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	78%	90%
4	<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,6%	1,9%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,7%	2,2%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,3%	1,6%

2. Kinh doanh

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần (Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Lĩnh vực	Năm		% thành phần		% tăng giảm
		2017	2018	2017	2018	
1	Kinh doanh thiết bị	111,4	191,5	21%	31%	72%
2	Kinh doanh vật tư tiêu hao	255,0	251,5	47%	41%	-1%
3	Đầu tư liên kết	132,3	132,7	24%	22%	0%
4	Kỹ thuật	23,2	22,8	4%	4%	-2%
5	Phòng khám	20,1	16,7	4%	3%	-17%

Hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty cụ thể như sau:

- Kinh doanh thiết bị y tế: Doanh thu 2018 tăng trưởng mạnh 72% so với năm 2017 nhờ các dự án cung cấp CT & MRI lớn như NORRED và JICA;
- Kinh doanh vật tư tiêu hao: Doanh thu được duy trì ổn định so với năm 2017;
- Đầu tư liên kết: Doanh thu được duy trì ổn định so với năm 2017;
- Kỹ thuật: Lĩnh vực kỹ thuật gồm bán linh kiện và cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa; doanh thu được duy trì ổn định so với năm 2017;
- Phòng khám: Doanh thu cung cấp dịch vụ khám bệnh lưu động giảm 17% do không còn doanh thu từ chương trình sàng lọc lao phổi cộng đồng. Tuy nhiên, Công ty cũng vẫn giữ được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với những khách hàng lớn như Samsung Việt Nam, Chương trình Chống lao Quốc gia; đồng thời phát triển thêm khách hàng mới và mô hình mới như dịch vụ sàng lọc ung thư vú sử dụng xe mammo di động hợp tác với Bệnh viện K; hứa hẹn tiềm năng tốt trong tương lai.

3. Marketing

- Năm 2018, Công ty đã đầu tư cho hoạt động marketing cả về chiều sâu và chiều rộng. Đối tác, khách hàng đã dần quen thuộc với hình ảnh mới, năng động của JVC.
- Bên cạnh việc duy trì quảng bá các sản phẩm Chẩn đoán hình ảnh, trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh việc giới thiệu đến khách hàng và giới chuyên môn những sản phẩm, giải pháp Kiểm soát nhiễm khuẩn và Gây mê hồi sức, cụ thể là giải pháp toàn diện cho đơn vị tiết khuẩn trung tâm (CSSD) của hãng Sakura Seiki và máy siêu âm Sonimage HS1 của hãng Konica Minolta.
- Công ty đã tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn, dùng thử sản phẩm, tham quan học tập... nhằm mang công nghệ tiên tiến, sản phẩm tiện ích đến giới thiệu, hướng dẫn ứng dụng, giải quyết các vấn đề thực tiễn và nhận được sự đón nhận nồng nhiệt của các bác sĩ tại nhiều bệnh viện trên cả nước.

- Công ty đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo, sự kiện, hoạt động chuyên môn quan trọng của ngành Y tế trong năm 2018 như: Hội nghị Điện Quang và Y học hạt nhân Việt Nam; Hội nghị kiểm soát nhiễm khuẩn Châu Á Thái Bình Dương (APSID); khóa tập huấn phẫu thuật nền sọ Hội phẫu thuật thần kinh châu Á...
- Ngoài ra, Công ty cũng nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ rất lớn từ phía các đối tác như Hitachi, Konica Minolta, Sakura Seiki... khi triển khai các hoạt động marketing.

4. Nhà cung cấp

- Trong năm 2018, Công ty liên tục tiếp đón đại diện của các nhà cung cấp sang thăm và làm việc tại trụ sở tại Hà Nội cũng như thăm và hỗ trợ gian hàng của Công ty tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành: đại diện Hitachi Healthcare tham dự Hội nghị Điện Quang tại Hà Nội, Tập huấn Phẫu thuật nền sọ tại bệnh viện Việt Đức; đại diện Sakura Seiki tham dự Hội nghị Kiểm soát nhiễm khuẩn châu Á Thái Bình Dương tại Đà Nẵng; đại diện Konica Minolta tham dự Hội thảo quốc tế về Gây tê vùng châu Á lần thứ 9 tại Hà Nội...
- Năm 2018 cũng đánh dấu chuyến thăm cấp cao của Chủ tịch tập đoàn Sakura Global - ông Kenichi Matsumoto – và các lãnh đạo Sakura Seiki. Cả hai bên cùng đánh giá cao tiềm năng của thị trường thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn ở Việt Nam và tự tin vào năng lực cung cấp giải pháp đồng bộ cho khách hàng từ tư vấn thiết kế mặt bằng, lựa chọn máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu và điều kiện từng bệnh viện, quy trình vận hành và bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn Nhật Bản.
- Bên cạnh những nhà cung cấp đến từ Nhật Bản đang hợp tác bền chặt những năm qua như Hitachi Healthcare, Fujifilm, Konica Minolta, Sakura Seiki, Nemoto, trong thời gian tới, Công ty sẽ lên kế hoạch tiếp cận với những nhà cung cấp uy tín khác từ cả châu Á và châu Âu để mở rộng lựa chọn cho khách hàng.

5. Nhân sự

- Công tác đào tạo: Công ty chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý công việc cho nhân viên thông qua các khóa đào tạo trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu công việc.
- Công tác đánh giá năng lực, lương thưởng, phúc lợi: Công ty đã tổ chức đánh giá nhân viên, làm cơ sở cho chế độ lương thưởng, đãi ngộ công bằng, hợp lý, cạnh tranh. Năm 2018, Công ty đã xây dựng cơ chế thưởng kinh doanh gắn liền với trách nhiệm cải thiện lợi nhuận và thu hồi công nợ, và cơ chế lương gắn liền với năng suất lao động cho một số vị trí phù hợp. Công ty cũng tổ chức nhiều buổi họp giữa Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên hoặc từng bộ phận, chia sẻ phương hướng, tiếp thu nguyện vọng và khuyến khích sự phát triển của nhân viên.

6. Giải quyết các vấn đề tồn đọng về pháp lý và công nợ

Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn và trong bối cảnh phải san sẻ thời gian, nguồn lực có hạn giữa việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh đồng thời với việc giải quyết các vấn đề tồn đọng, Ban Giám đốc đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý thực hiện các công việc rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết, cụ thể như sau:

- Công ty hiện đã thu hồi được 3,9 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ;
- Công ty hiện đã khởi kiện 01 đơn vị có công nợ khó đòi lớn tại tòa án dân sự có thẩm quyền;
- Công ty đã yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền làm rõ hoạt động của Ban lãnh đạo cũ, hiện vẫn trong quá trình giải quyết.

Phương hướng của Ban Giám đốc và kế hoạch kinh doanh năm 2019

1. Về hoạt động kinh doanh:

- Kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau: doanh thu thuần 700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 17 tỷ đồng.
- Định hướng chung của Công ty là trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;
- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị y tế, Công ty sẽ tập trung vào mảng thiết bị chẩn đoán hình ảnh và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn, đồng thời tìm kiếm mở rộng danh mục sản phẩm;
- Đối với thị trường vật tư tiêu hao, Công ty sẽ mở rộng danh mục sản phẩm;
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng bảo hành, bảo trì thiết bị y tế;
- Đối với dịch vụ khám sức khỏe lưu động, Công ty sẽ triển khai các mô hình khám mới với sự phối hợp cùng các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa hàng đầu, mở rộng loại hình dịch vụ và đối tượng khách hàng.

2. Về quản trị Công ty:

- Để hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực, Công ty sẽ triển khai hệ thống ERP, qua đó hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình;
- Tiếp tục tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; xây dựng văn hóa Công ty; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động;
- Tiếp tục xử lý các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Hoạt động của BKS: Trong năm 2018 (01/04/2018 - 31/03/2019), Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, bao gồm các nội dung:

- Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát;
- Giám sát việc ban hành và nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Giám sát công tác quản trị, điều hành Công ty và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Giám sát công tác tài chính kế toán, lập, trình bày và công bố báo cáo tài chính;
- Lập kế hoạch phối hợp với kiểm toán và Ban Giám đốc để thực hiện kiểm kê, xác nhận công nợ;
- Xem xét và thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Giám sát việc xử lý các vấn đề tồn đọng;
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty: Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2018 ổn định và phát triển, hoàn thành tương đối tốt kế hoạch được ĐHĐCĐ 2018 giao, cụ thể doanh thu thuần 2018 là 615 tỷ đồng, đạt 90% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ 2018, tăng trưởng 13% so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế 2018 là 11,4 tỷ đồng, đạt 72% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ 2018, tăng trưởng 28% so với năm 2017.

Giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc:

Hoạt động của HĐQT: HĐQT đã thực hiện tốt trách nhiệm quản lý theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2018 HĐQT đã tổ chức họp 21 lần, tuân thủ tốt các quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ. Tất cả các cuộc họp Ban Kiểm soát đều được mời dự và có đóng góp ý kiến trực tiếp tại cuộc họp. Nội dung chủ yếu của các nghị quyết HĐQT liên quan đến chủ trương phát triển kinh doanh, sắp xếp nhân sự lãnh đạo, phê duyệt các hợp đồng với đơn vị liên quan, các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị, điều hành công ty, bám sát chủ trương của ĐHĐCĐ và của Công ty về từng vấn đề. Các nghị quyết tuân thủ các thủ tục, quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ.

Hoạt động của Ban Giám đốc: Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoàn thành tương đối tốt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ĐHĐCĐ 2018 giao, thực hiện đúng nội dung các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT:

- Về công tác tài chính: Chấp hành tốt các quy định về tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố BCTC.;
- Về quản trị Công ty: Tiếp tục hoàn thiện và duy trì có nề nếp việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình; Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động, xây dựng văn hóa Công ty, chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động;
- Về giải quyết các vấn đề tồn đọng: Thể hiện sự quyết liệt, nỗ lực trong việc thu hồi công nợ, giải quyết công nợ khó đòi, giải quyết các vấn đề pháp lý, đã đạt được một số kết quả nhất định.

Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT và Ban Giám đốc: Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy định, quy trình. Ban Kiểm soát thường xuyên làm việc trực tiếp với HĐQT, tham gia họp HĐQT, trao đổi, đóng góp ý kiến trực tiếp với Ban Giám đốc, Giám đốc các bộ phận về các công việc liên quan kế hoạch kinh doanh hàng quý, các vấn đề về quản lý tài chính kế toán, vấn đề tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như các vướng mắc phát sinh cần giải quyết. Ban Giám đốc tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận thông tin và kiểm tra tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giám sát và đánh giá hoạt động tài chính, kế toán của Công ty: Công ty đã tổ chức tốt công tác tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố các BCTC quý, 6 tháng và cả năm, tuân thủ chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật. Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2018.

Trên cơ sở BCTC năm 2018 do Ban Giám đốc lập và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) và các hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán được cung cấp, Ban Kiểm soát đã thẩm định, đánh giá và xác nhận ý kiến của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31/03/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật. Các chính sách kế toán được lựa chọn và áp dụng nhất quán, các vấn đề chi tiết được trình bày trong thuyết minh BCTC rõ ràng, đầy đủ. Ban Kiểm soát xác nhận trong phần Thuyết minh BCTC hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm khoảng 59 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là khoảng 59 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2018 cũng như tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2019.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu và giải trình được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Giám đốc trình ĐHCĐ. Năm 2018, tài chính của Công ty minh bạch, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, năng lực hoạt động đạt mức ổn định, an toàn; riêng các chỉ tiêu về khả năng sinh lời còn thấp, cần cải thiện thêm. Chi tiết cổ đông vui lòng tham khảo Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Giám đốc.

Vấn đề còn tồn tại:

- Tỷ lệ xác nhận công nợ chưa cao, chưa kịp thời, nhiều trường hợp không xác nhận được công nợ;
- Một số khoản công nợ xấu mặc dù đã được trích lập dự phòng nhưng việc thu hồi hoặc khởi kiện thực tế còn nhiều khó khăn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Trụ sở chính: Tầng 24 tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Phòng khám: Tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 2+4 ngõ 1160 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

VP HCM: Tầng 5 Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

W: www.ytevietnhat.com.vn | T: (024) 3683 0516 | F: (024) 3683 0578

Phương hướng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2019

Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2019 nhằm phối hợp tốt với HĐQT và Ban Giám đốc;
- Kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT;
- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ tình hình tài chính, công tác kế toán, tài chính, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm;
- Trao đổi, phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc giải quyết các vấn đề về quản trị;
- Trao đổi, phối hợp với các phòng ban, bộ phận trong Công ty để kiểm tra các mặt hoạt động theo từng lĩnh vực của Công ty, từ đó tham mưu, đề xuất với HĐQT và Ban Giám đốc để điều chỉnh kịp thời nhằm quản lý hiệu quả và phòng ngừa rủi ro;
- Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát.

8. Báo cáo quản trị rủi ro

Rủi ro chiến lược

1. Rủi ro cạnh tranh

- Chi tiết rủi ro: Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều có nhiều nhà cung cấp tham gia, tạo ra sự cạnh tranh cao;
- Biện pháp kiểm soát: Ban Giám đốc luôn luôn đôn đốc cập nhật thường xuyên thông tin thị trường, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp, tạo điều kiện để Công ty và nhà cung cấp chia sẻ nguồn lực, thông tin, góp phần ứng phó kịp thời, củng cố và phát triển lợi thế cạnh tranh.

2. Rủi ro công nghệ

- Chi tiết rủi ro: Thiết bị y tế là lĩnh vực công nghệ với áp lực đổi mới, cập nhật bắt kịp với sự phát triển của công nghệ;
- Biện pháp kiểm soát: Các đề xuất thường xuyên được Ban Giám đốc đưa ra với nhà cung cấp trong việc nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhằm triển khai các công nghệ và sản phẩm mới tại thị trường Việt Nam.

Rủi ro hoạt động

3. Rủi ro thay đổi các chính sách, quy định pháp luật

- Chi tiết rủi ro: Lĩnh vực y tế là lĩnh vực có nhiều quy định liên quan đến nhập khẩu, kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ khám bệnh, đầu tư xã hội hóa,.... Các quy định này có thể thay đổi, do đó tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- Biện pháp kiểm soát: Ban Giám đốc thường xuyên được tư vấn và cập nhật các thay đổi về pháp luật từ các trưởng bộ phận và chuyên viên pháp chế. Điều này giúp Ban Giám đốc đưa ra những quyết định về hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ và hiệu quả.

9. Báo cáo phát triển bền vững

Bên cạnh phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty còn đặc biệt chú trọng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng và các bên có lợi ích liên quan, cụ thể:

Về xã hội:

- Công ty tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận với các công nghệ y tế cao trong việc khám chữa bệnh; đồng thời tạo điều kiện cho các y bác sĩ tích lũy nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh;
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên;
- Khuyến khích nhân viên phát huy các tiềm năng, phát triển năng lực của bản thân;
- Khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động chung tay vì cộng đồng như hiến máu nhân đạo, ủng hộ đồng bào lũ lụt;
- Tổ chức các hoạt động khám bệnh miễn phí cho người nghèo tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn...

Về môi trường:

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, ví dụ: hệ thống công hưởng từ MRI Echelon Smart 1.5 Tesla giúp giảm ồn và tiết kiệm năng lượng nhất trên thế giới;
- Khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy thông qua một số quy định trong văn phòng.

10. Định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển 2019

- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị y tế, Công ty định hướng tập trung vào mảng thiết bị chẩn đoán hình ảnh và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn; đồng thời tìm kiếm thêm sản phẩm mới. Công ty sẽ triển khai đa dạng các công nghệ, giải pháp, thiết bị phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Công ty có kế hoạch phối hợp cùng các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa hàng đầu mang một số công nghệ thiết bị y tế tối tân của Nhật Bản về thị trường Việt Nam;
- Đối với thị trường vật tư tiêu hao, Công ty sẽ mở rộng danh mục sản phẩm;
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng bảo hành, bảo trì thiết bị y tế;
- Đối với dịch vụ khám sức khỏe lưu động, Công ty sẽ triển khai các mô hình khám mới với sự phối hợp cùng các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa hàng đầu, mở rộng loại hình dịch vụ và đối tượng khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Trụ sở chính: Tầng 24 tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Phòng khám: Tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 2+4 ngõ 1160 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

VP HCM: Tầng 5 Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

W: www.ytevietnhat.com.vn | T: (024) 3683 0516 | F: (024) 3683 0578

11. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 31

U100
CỔ
TRÁCH
ĐẾ
V
ĐỒ N

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Thế Hường	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2018, miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2018)
	Thành viên
Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2018)
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018)
Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018)
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2018)
Bà Phạm Huyền Khanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

250
VG
HIỆM
01
TN
ĐA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2019



Số: 0088 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 6 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 06, Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 16,6 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng, khoảng 14,9 tỷ đồng và khoảng 16,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018. Chúng tôi cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Công ty do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu của năm nay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 6 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 0910-2018-001-1

0100112500

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		325.063.921.249	238.658.850.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.807.505.332	39.849.946.488
1. Tiền	111		15.307.505.332	18.849.946.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	21.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	550.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.893.974.766	129.059.838.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	501.068.293.335	483.882.090.105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	334.860.669.184	305.876.415.224
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	515.297.526.698	523.702.602.185
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.187.331.756.951)	(1.185.400.511.923)
IV. Hàng tồn kho	140	10	116.950.382.502	66.692.152.694
1. Hàng tồn kho	141		159.181.460.231	108.479.453.385
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.231.077.729)	(41.787.300.691)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.862.058.649	3.056.913.259
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	782.743.226	2.780.904.932
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.026.365.698	125.012.192
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	52.949.725	150.996.135

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.882.979.392	426.219.190.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.998.435.887	7.511.922.004
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.998.435.887	7.511.922.004
II. Tài sản cố định	220		346.087.540.405	393.891.069.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	345.476.915.191	339.826.051.841
- Nguyên giá	222		858.882.446.431	760.481.698.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.405.531.240)	(420.655.646.915)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	53.769.772.443
- Nguyên giá	225		-	76.611.929.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(22.842.157.445)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	610.625.214	295.245.094
- Nguyên giá	228		923.000.480	453.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(312.375.266)	(157.755.386)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	10.463.183.584	2.553.884.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.463.183.584	2.553.884.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.520.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	18	2.520.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.813.819.516	22.262.314.955
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14.751.622.235	22.184.968.132
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		62.197.281	77.346.823
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		701.946.900.641	664.878.040.869

= 0 / T H 7 A / P /

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		173.364.756.519	147.741.557.576
I. Nợ ngắn hạn	310		148.220.555.690	112.248.908.860
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	107.201.920.937	67.836.752.683
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.084.413.972	5.081.681.624
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	448.306.820	10.939.615.220
4. Phải trả người lao động	314		19.628.645	188.166.240
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	26.516.729.322	13.591.324.751
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.449.555.994	1.598.886.374
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	500.000.000	13.012.481.968
II. Nợ dài hạn	330		25.144.200.829	35.492.648.716
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	25.144.200.829	27.610.636.745
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	-	7.882.011.971
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		528.582.144.122	517.136.483.293
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	528.582.144.122	517.136.483.293
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.017.919.129.980)	(1.029.364.790.809)
- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(1.029.364.790.809)	(1.038.288.152.785)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.445.660.829	8.923.361.976
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		701.946.900.641	664.878.040.869



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Wương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	615.236.373.022	545.500.057.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	162.325.934	3.483.017.730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	615.074.047.088	542.017.039.428
4. Giá vốn hàng bán	11	28	506.977.271.081	432.195.697.740
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		108.096.776.007	109.821.341.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	4.861.366.571	790.069.009
7. Chi phí tài chính	22	30	3.353.927.581	3.978.852.759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.140.073.550	3.049.429.388
8. Chi phí bán hàng	25	33	72.441.891.092	91.952.874.908
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	35.099.019.816	32.856.704.087
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.063.304.089	(18.177.021.057)
11. Thu nhập khác	31	31	13.519.559.426	31.942.489.047
12. Chi phí khác	32	32	3.456.322.741	4.694.930.158
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.063.236.685	27.247.558.889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.126.540.774	9.070.537.832
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	665.730.403	582.672.294
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		15.149.542	(435.496.438)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.445.660.829	8.923.361.976
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	102	79



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Wương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.126.540.774	9.070.537.832
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	71.376.914.643	69.397.309.386
Các khoản dự phòng	03	2.375.022.066	(305.758.683)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.581.709.608	773.491.605
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.711.798.803)	321.201.801
Chi phí lãi vay	06	1.140.073.550	3.049.429.388
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	86.888.461.838	82.306.211.329
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.263.796.970)	22.122.192.876
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(50.702.006.846)	14.486.085.824
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.577.580.863	(54.054.164.339)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.431.507.603	(9.360.948.086)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.281.671.139)	(3.148.667.987)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(567.683.993)	(943.393.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.082.391.356	51.407.315.889
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.616.362.836)	(27.770.302.180)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	479.952.000	293.847.500
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.070.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.476.072.263	440.317.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.730.338.573)	(27.036.137.112)



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.721.713.218	29.838.092.950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.721.713.218)	(32.652.492.950)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(19.394.493.939)	(12.012.481.968)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(20.394.493.939)	(14.826.881.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	957.558.844	9.544.296.809
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.849.946.488	30.305.649.679
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	40.807.505.332	39.849.946.488



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Wương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

SỞ
/CỘ
/HN
/TẾ
/Đ.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 222 người (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 189 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán và trình bày lại.

Theo biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội tháng 8 năm 2018, kỳ kiểm tra thuế năm từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty phải nộp bổ sung một số khoản thuế. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp bổ sung với số tiền 6.985.585.488 đồng và khoản phạt do chậm nộp thuế với số tiền 3.356.907.411 đồng vào bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, điều chỉnh khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp bổ sung với số tiền 550.208.743 đồng và khoản phạt do chậm nộp thuế với số tiền 1.042.439.844 đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	210.911.543	(59.915.408)	150.996.135
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	657.037.729	10.282.577.491	10.939.615.220
3. (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a	(1.029.538.308.473)	(8.749.844.312)	(1.038.288.152.785)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	10.516.010.563	(1.592.648.587)	8.923.361.976

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Chi phí khác	32	3.102.281.571	1.592.648.587	4.694.930.158
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.516.010.563	(1.592.648.587)	8.923.361.976

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.663.186.419	(1.592.648.587)	9.070.537.832
2. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.062.277.468	59.915.408	22.122.192.876
3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(55.586.897.518)	1.532.733.179	(54.054.164.339)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo phòng khám và linh phụ kiện thay thế máy và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.234.028.180	3.715.628.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.073.477.152	15.134.317.818
Các khoản tương đương tiền (i)	25.500.000.000	21.000.000.000
	40.807.505.332	39.849.946.488

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội, lãi suất 5,5%/năm, lãi trả cuối kỳ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	107.340.812.353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	295.822.855.369	278.636.652.139
	501.068.293.335	483.882.090.105

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm khoảng 59 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là khoảng 59 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Công trình và trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	57.041.979.549	28.057.725.589
Cộng	334.860.669.184	305.876.415.224

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là khoảng 14,9 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản trả trước nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	515.297.526.698	523.702.602.185
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	95.582.962.140	104.147.235.098
- Ký quỹ ngắn hạn	2.156.361.097	2.057.595.618
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Phải thu khác	3.711.682.159	3.651.250.167
b. Dài hạn	2.998.435.887	7.511.922.004
- Ký quỹ dài hạn	612.176.285	4.350.467.136
- Vốn liên kết với các bệnh viện	2.386.259.602	3.161.454.868
Tổng cộng	518.295.962.585	531.214.524.189

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm khoảng 16,6 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là khoảng 16,6 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2018 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019.

S W I N T

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng	403.794.504.213	24.799.055.680		387.327.928.039	9.963.951.784	
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	-	Trên 3 năm	97.904.625.613	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hường Đông	107.340.812.353	-	Trên 3 năm	107.340.812.353	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Trên 3 năm	33.792.574.163	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	Không xác định	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH một thành viên 16A	26.948.625.601	-	Không xác định	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Trên 3 năm	10.797.500.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	98.979.344.121	24.799.055.680	Từ 6 tháng-trên 3 năm	82.512.767.947	9.963.951.784	Từ 6 tháng-trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	299.028.576.765	-		299.028.576.765	-	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	Không xác định	36.635.000.000	-	Không xác định
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite Pte. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	Không xác định	6.358.687.130	-	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	510.605.955.838	2.297.466.685		510.606.490.838	2.298.001.685	
Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ	403.295.265.000	-	Không xác định	403.295.265.000	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	97.169.543.850	36.247.085	Không xác định	97.169.543.850	36.347.085	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	623.484.436	-	Không xác định	624.019.436	435.000	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	-		999.242.500	299.772.750	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	Trên 3 năm	999.242.500	299.772.750	Từ 2-3 năm
	1.214.428.279.316	27.096.522.365		1.197.962.238.142	12.561.726.219	

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ.

Ban Giám đốc Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	50.142.439.215	-	5.100.324.992	-
Hàng hoá (i)	100.653.768.059	(42.231.077.729)	96.406.970.651	(41.787.300.691)
Hàng gửi bán	8.385.252.957	-	6.972.157.742	-
Cộng	159.181.460.231	(42.231.077.729)	108.479.453.385	(41.787.300.691)

(i) Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.938.514.984 đồng (năm trước: 323.682.313 đồng) do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ. Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.494.737.946 đồng (năm trước: 4.305.604.946 đồng) do Công ty đã bán hoặc xử lý được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn	782.743.226		2.780.904.932	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	367.032.950		2.398.248.334	
- Các khoản khác	415.710.276		382.656.598	
b. Dài hạn	14.751.622.235		22.184.968.132	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.265.448.191		2.636.320.851	
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng cho tài sản liên kết, đặt máy	9.806.818.269		14.661.689.154	
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.769.555.285		4.602.720.333	
- Các khoản khác	909.800.490		284.237.794	
Cộng	15.534.365.461		24.965.873.064	



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	733.117.472.996	26.822.809.104	541.416.656	760.481.698.756
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	20.729.208.374	2.084.744.000	-	22.813.952.374
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	77.035.040.766	-	-	77.035.040.766
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(1.139.655.920)	(308.589.545)	-	(1.448.245.465)
Số dư cuối năm	829.742.066.216	28.598.963.559	541.416.656	858.882.446.431
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	404.369.436.838	16.093.267.985	192.942.092	420.655.646.915
Khấu hao trong năm	64.715.753.041	1.971.139.025	77.839.416	66.764.731.482
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	27.299.720.726	-	-	27.299.720.726
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(1.005.978.338)	(308.589.545)	-	(1.314.567.883)
Số dư cuối năm	495.378.932.267	17.755.817.465	270.781.508	513.405.531.240
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	328.748.036.158	10.729.541.119	348.474.564	339.826.051.841
Tại ngày cuối năm	334.363.133.949	10.843.146.094	270.635.148	345.476.915.191

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 41.793.809.072 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 50.543.303.264 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 175.742.550.403 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 176.752.882.531 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	76.611.929.888
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(76.611.929.888)
Số dư cuối năm	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	22.842.157.445
Khấu hao trong năm	4.457.563.281
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(27.299.720.726)
Số dư cuối năm	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	53.769.772.443
Số dư cuối năm	-

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	453.000.480
Mua sắm	470.000.000
Số dư cuối năm	<u>923.000.480</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	157.755.386
Khấu hao trong năm	154.619.880
Số dư cuối năm	<u>312.375.266</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	<u>295.245.094</u>
Số dư cuối năm	<u>610.625.214</u>

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm, sửa chữa (i)	10.463.183.584	2.553.884.000
(i) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình sửa chữa, lắp đặt để hình thành tài sản cố định		

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	<u>750.000.000</u>	<u>750.000.000</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín, do đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày theo giá gốc.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000		110.750.000.000	
	110.750.000.000		110.750.000.000	

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

18. ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

Thể hiện giá trị của 252 trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành, được Công ty nắm giữ, với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 7 năm từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 đến ngày 19 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	73.945.811.250	73.945.811.250	19.894.819.894	19.894.819.894
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	28.598.334.236	28.598.334.236	32.185.758.591	32.185.758.591
- Phải trả cho các đối tượng khác	4.657.775.451	4.657.775.451	15.756.174.198	15.756.174.198
Cộng	107.201.920.937	107.201.920.937	67.836.752.683	67.836.752.683

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải thu/phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.004.395.168	14.399.421.594	21.383.471.428	20.345.334
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.393.709.986	1.393.709.986	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(150.996.135)	665.730.403	567.683.993	(52.949.725)
Thuế thu nhập cá nhân	578.312.641	4.239.312.491	4.389.663.646	427.961.486
Thuế khác	3.356.907.411	3.585.291.139	6.942.198.550	-
Cộng	10.788.619.085	24.283.465.613	34.676.727.603	395.357.095

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	150.996.135			52.949.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.939.615.220			448.306.820

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	15.425.942.784	7.661.717.527
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	3.150.642.297	3.087.489.295
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	5.647.823.408	1.707.903.047
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo hành	363.765.780	512.914.077
- Trích trước chi phí lãi vay	2.111.111	143.708.700
- Trích trước chi phí thưởng	1.502.030.000	-
- Các khoản trích trước khác	424.413.942	477.592.105
Cộng	26.516.729.322	13.591.324.751

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	169.127.200	515.600.497
- Bảo hiểm xã hội	345.655.673	287.588.615
- Bảo hiểm y tế	62.834.060	54.095.035
- Bảo hiểm thất nghiệp	27.110.249	23.879.570
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	844.828.812	717.722.657
Cộng	1.449.555.994	1.598.886.374
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	25.144.200.829	27.610.636.745
Cộng	25.144.200.829	27.610.636.745

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	14.721.713.218	14.721.713.218	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	14.721.713.218	14.721.713.218	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	1.000.000.000	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	12.012.481.968	12.012.481.968	-	12.012.481.968	-	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	4.882.048.596	4.882.048.596	-	4.882.048.596	-	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.130.433.372	7.130.433.372	-	7.130.433.372	-	-
Tổng	13.012.481.968	13.012.481.968	15.221.713.218	27.734.195.186	500.000.000	500.000.000

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	VND			VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	
Nợ thuê tài chính dài hạn	19.394.493.939	19.394.493.939	-	19.394.493.939	-	-	
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	6.916.235.517	6.916.235.517	-	6.916.235.517	-	-	
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.478.258.422	12.478.258.422	-	12.478.258.422	-	-	
Tổng cộng	20.894.493.939	20.894.493.939	-	20.394.493.939	500.000.000	500.000.000	
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13.012.481.968					500.000.000	
- Số phải trả sau 12 tháng	7.882.011.971					-	

(i) Ngày 22 tháng 7 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền 4.500.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng hệ thống chụp cộng hưởng từ hiệu Hitachi, model: Airis Vento và quyền nhận tiền bảo hiểm theo các Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến các thiết bị này để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	500.000.000	1.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	500.000.000	1.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	-	500.000.000

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗi lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước như được trình bày năm trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.029.538.308.473)	516.962.965.629
Trình bày lại	-	-	-	(8.749.844.312)	(8.749.844.312)
Số dư đầu năm trước như được trình bày lại	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.038.288.152.785)	508.213.121.317
Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	8.923.361.976	8.923.361.976
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.029.364.790.809)	517.136.483.293
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.445.660.829	11.445.660.829
Số dư cuối năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.017.919.129.980)	528.582.144.122

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Số cuối năm

Số đầu năm

112.500.171

112.500.171

112.500.171

112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 17, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty và công ty con là kinh doanh máy móc, linh kiện, thiết bị y tế và dịch vụ y tế. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 28.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	615.236.373.022	545.500.057.158
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	454.259.100.515	386.050.824.646
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	132.740.762.661	121.413.415.751
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.236.509.846	38.035.816.761
Các khoản giảm trừ doanh thu	162.325.934	3.483.017.730
- Giảm giá hàng bán	-	2.022.619.047
- Hàng bán bị trả lại	162.325.934	1.460.398.683
	615.074.047.088	542.017.039.428

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	367.547.603.384	303.089.422.180
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	116.816.909.273	111.664.721.257
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.168.981.386	21.423.476.936
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	443.777.038	(3.981.922.633)
	506.977.271.081	432.195.697.740

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.587.749.113	442.237.882
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.273.617.458	347.831.127
	4.861.366.571	790.069.009

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.140.073.550	3.049.429.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.213.854.031	920.966.381
Chi phí tài chính khác	-	8.456.990
	3.353.927.581	3.978.852.759

011
CÔNG
TY NH
Ệ
L
I
Ệ
G Đ

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	12.212.711.652	28.507.289.786
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	190.909.090	951.817
Các khoản khác	1.115.938.684	3.434.247.444
	13.519.559.426	31.942.489.047

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66.859.400	744.005.840
Các khoản bị phạt, truy thu	2.634.646.504	2.084.183.936
Các khoản khác	754.816.837	1.866.740.382
	3.456.322.741	4.694.930.158

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	35.099.019.816	32.856.704.087
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.931.245.028	3.676.163.950
- Chi phí tiền lương	15.596.330.346	13.883.333.960
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.571.444.442	15.297.206.177
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	72.441.891.092	91.952.874.908
- Chi phí tiền lương	23.142.750.687	25.869.259.824
- Các khoản chi phí bán hàng khác	49.299.140.405	66.083.615.084

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.268.598.365	2.499.084.933
Chi phí nhân viên	66.558.067.852	75.769.072.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.481.169.999	68.937.174.762
Chi phí dự phòng	2.375.022.066	(305.758.683)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.411.558.736	88.689.455.324
Chi phí khác bằng tiền	19.127.322.225	10.800.107.507
	236.221.739.243	246.389.136.733

500
37
MH
IT
N
-T

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	665.730.403	582.672.294
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	665.730.403	582.672.294

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	12.126.540.774	9.070.537.832
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>4.740.814.384</i>	<i>4.938.217.220</i>
<i>Cộng: Các khoản dự phòng không tính chi phí hợp lý hợp lệ</i>	<i>2.171.118.023</i>	<i>3.909.507.027</i>
<i>Chênh lệch tạm thời chi phí quảng bá thương hiệu</i>	<i>(4.525.000.000)</i>	<i>2.091.666.667</i>
<i>Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất Chuyển lỗ</i>	<i>(75.747.708)</i> <i>(14.464.707.494)</i>	<i>1.382.550.529</i> <i>(21.561.076.790)</i>
Lỗ tính thuế năm hiện hành	(26.982.021)	(168.597.515)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.445.660.829	8.923.361.976
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	102	79

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.398.479.887	4.722.910.796
- Trên 1 năm đến 5 năm	3.960.824.555	7.680.656.261
- Trên 5 năm	-	-
	8.359.304.442	12.403.567.057

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 24 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê số 1807/HĐTVP/2016 ngày 8 tháng 7 năm 2016 với giá thuê 99.878.000 đồng/tháng, có thời hạn 06 năm tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2016 và Hợp đồng thuê số 24/HĐTVP/2017/ICON4-T24 ngày 18 tháng 3 năm 2017 với giá thuê 35.910.000 đồng/tháng, có thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.
- Tổng số tiền thuê kho vật tư tại tầng KT2 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội với giá thuê 5.016.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 16 tổ 1 đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với giá thuê 67.355.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm, được gia hạn theo Phụ lục số 4 với thời hạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2018 đến ngày 15 tháng 10 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê kho của Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS tại Số 200/8 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội với giá thuê 97.443.500 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 5 cao ốc Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 104.019.573 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.
- Tổng số tiền thuê kho tại 92 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội với giá thuê 31.280.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.



38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.023.056.194	4.821.770.000

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Wương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 6 năm 2019